

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-8-2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đoàn Văn Vui.

+ Ông Kiều Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ngọc P** - Sinh năm: 1986, địa chỉ: Ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, bà P có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/5/2007 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn thì cuộc sống chung của bà và ông T là không hạnh phúc nhưng để lo cho con nên vẫn tiếp tục cuộc sống chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân của bà và ông T không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, ông T có tham gia chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình; do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên bà và ông T đã

sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Bà P cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với ông T, không thể đoàn tụ được nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung là Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 12/01/2008, người con hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Bà yêu cầu ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi người con chung là Nguyễn Bảo N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, đồng thời xác định bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn là ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với lời trình bày của bà P về thời gian kết hôn cũng như việc kết hôn giữa ông với bà P là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông T cho rằng: Ông có tham gia chơi cờ bạc nhưng mười mấy năm qua ông vẫn chăm lo cho gia đình, giữa ông và bà P là có cự cãi nhưng trong cuộc sống chung của vợ chồng là không thể tránh khỏi những lúc bất đồng quan điểm sống; ông và bà P đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì ông cũng nhiều lần trao đổi nhằm mục đích đoàn tụ nhưng bà P không đồng ý nên vẫn chưa đoàn tụ được. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ và mong muốn được đoàn tụ để cùng chăm lo cho con. Trường hợp Tòa án giải quyết ông và bà P phải ly hôn thì ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

Về con chung: Ông bà P có một người con chung là Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 12/01/2008 hiện đang sống chung với bà P; trường hợp Tòa án giải quyết ông và bà P phải ly hôn thì ông đồng ý để bà P nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu nhưng khi làm có tiền ông sẽ cùng lo cho con;

Về tài sản chung: Ông và bà P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu: Thâm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về căn cứ pháp luật được áp

dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 21, 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

(1) *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ngọc P với ông Nguyễn Thanh T.

(2) *Về con chung*: Giao cho bà Trương Thị Ngọc P được quyền nuôi người con chung giữa bà P với ông T là: Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 12/01/2008 (hiện đang sống chung với bà P), bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

(3) *Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông T có địa chỉ tại: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Càyl Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 16/7/2025, bà Trương Thị Ngọc P có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà P và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/5/2007 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Bà P yêu cầu ly hôn nhưng ông T không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, bà P và ông T không chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2025 mà không thể đoàn tụ được, giữa ông bà không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, ông T mong muốn được đoàn tụ nhưng tại phiên tòa ông không đưa ra được phương án để có thể hàn gắn, trong khi đó bà P kiên quyết ly hôn với ông T; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P với ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà P về việc ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà P yêu cầu được nuôi người con chung giữa bà với ông T là Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 12/01/2008, ông T cũng đồng ý để bà P nuôi con nếu ông và bà P phải ly hôn, trong khi đó người con đang sống chung với bà P, tại biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình ngày 16/7/2025 thì cháu Nguyễn Bảo N có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là bà P nên giao cho bà P được quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà P phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung:

Giao cho bà Trương Thị Ngọc P được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa bà P với ông Nguyễn Thanh T là: Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 12/01/2008 (hiện đang sống chung với bà P) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trương Thị Ngọc P không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà P có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con chung, bà P, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc P phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà P đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012527 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Ngọc P, ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Nhuận Phú Tân;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD-KT-TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn